

MỤC LỤC

Table of Contents

Biểu tượng trong thơ Đinh Thị Thu Vân <i>Symbols in Dinh Thi Thu Van's poetry</i> Hoàng Sĩ Nguyên, Phan Hoàng Vân	1
Chức năng giáo dục trong các sáng tác viết cho thiếu nhi của Hoàng Văn Bôn <i>The educational function in Hoang Van Bon's compositions for children</i> Lê Thúy An	10
Xung đột văn hóa trong tiểu thuyết “Năm lá quốc thư” của Hồ Anh Thái <i>Cultural conflicts in the novel “Five national letters” by Ho Anh Thai</i> Bùi Quang Khải	21
Thi phái tượng trưng Pháp – những nẻo đường sáng tạo <i>French symbolic poetry – The ways of creation</i> Hồ Văn Quốc	29
Một biểu hiện thay đổi thẩm mỹ của chủ nghĩa hiện thực Pháp cuối thế kỷ XIX <i>A modified form of aesthetic France literary realism in the late XIXth century</i> Hà Thị Thu Phương, Đinh Công Viễn Phương, Hoàng Phan Bá Phương	42
Hình tượng đám đông trong một số tiểu thuyết của Diêm Liên Khoa <i>The crowd in Yan Lianke's novels</i> Nguyễn Thị Tuyết, Chế Thị Ngọc Hân	55
Phương thức cải biên cốt truyện từ tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc sang sân khấu cải lương Việt Nam <i>Method of plot adaptation from classical Chinese novels to Vietnamese Cai luong theater</i> Đặng Ngọc Ngân	68
Già hoá dân số và xu hướng già hoá dân số ở Việt Nam <i>Population ageing and population ageing tendency in Vietnam</i> Nguyễn Thị Minh Hoà, Hà Tuấn Anh	80

- Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách nội địa đối với chất lượng dịch vụ du lịch sinh thái tỉnh Cà Mau** 93
Factors affecting domestic tourist satisfaction on ecotourism service quality in Ca Mau Province, Vietnam
Bùi Nhất Vương, Nguyễn Thị Thanh Huyền
- Nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật (TE) trong sản xuất táo ta quy mô nông hộ tại huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận, niên vụ 2019-2020** 105
Factors affecting technical efficiency (TE) in farmer – scale jujube cultivation in Ninh Phuoc District, Ninh Thuan Province, crop year 2019 - 2020
Nguyễn Thị Trà, Đặng Tường Anh Thư, Nguyễn Hữu Lộc, Phạm Trung Hậu, Trần Hoài Nam
- Tối ưu hóa chế độ sấy sản phẩm jerky làm từ thịt cá sấu** 118
Optimization of air drying condition for Crocodile (Crocodylinae) jerky
Bùi Văn Miên, Lê Trung Thiên
- Nghiên cứu tách sáp trong cám trước khi trích ly dầu trong quy trình sản xuất dầu cám gạo trung hòa** 133
Study on wax separation in rice bran before oil extraction in the production process of neutralized rice bran oil
Lâm Đức Cường

BIỂU TƯỢNG TRONG THƠ ĐÌNH THỊ THU VÂN

Hoàng Sĩ Nguyên¹, Phan Hoàng Vân²

¹Trường Đại học Nội vụ Hà Nội - Phân hiệu Quảng Nam

Email: hoangsiqn@gmail.com

²Trường THPT Chế Lan Viên, Quảng Trị

Ngày nhận bài: 05/5/2021; Ngày duyệt đăng: 30/7/2021

Tóm tắt

Biểu tượng nghệ thuật là một cách để nhận thức và cắt nghĩa đời sống, thể hiện tư tưởng và tình cảm, giúp con người thể nghiệm ý vị của cuộc đời và lĩnh hội mọi quan hệ có ý nghĩa muôn màu muôn vẻ của thế giới xung quanh. Trong thơ Đình Thị Thu Vân, cảm thức biểu tượng được biểu hiện qua thế giới của “Đêm”, “Nước”, “Đất” (và những biến thể của nó). Bài viết trình bày: Biểu tượng Đất, Nước, Đêm và các biến thể của nó trong thơ Đình Thị Thu Vân - đây chính là một điểm sáng thẩm mỹ, thể hiện ý đồ sáng tạo độc đáo của tác giả.

Từ khóa: Biểu tượng, Biểu tượng đất, Biểu tượng nước, Biểu tượng đêm, Đình Thị Thu Vân.

Symbols in Dinh Thi Thu Van's poetry

Abstract

Art symbol is a way to perceive and interpret life, to express thoughts and emotions, to help people experience the taste of life and to comprehend all multicolored meaningful relationships of the world. In Dinh Thi Thu Van's poetry, feeling symbols are expressed through the world of “Night”, “Water”, “Earth” (and its variations). In this article, symbols of Earth, Water, Night and its variations in Dinh Thi Thu Van's poetry are presented - this is an aesthetic highlight which expresses the unique creative intention of the author.

Keywords: symbolism, earth symbol, water symbol, night symbol, Dinh Thi Thu Van.

Đặt vấn đề

Từ điển Biểu tượng văn hóa thế giới cho rằng “những gì được gọi là biểu tượng khi nó được một nhóm người đồng ý rằng nó có nhiều hơn một ý nghĩa là đại diện cho chính bản thân nó” (Chevalier và Gheerbran, 2002; Phạm Vĩnh Cư và cộng sự dịch, 2016). Trong Từ điển Tiếng Việt giải nghĩa biểu tượng là “hình ảnh tượng trưng”, là “hình thức của nhận thức, cao

hơn cảm giác, cho ta hình ảnh của sự vật còn giữ lại trong đầu óc khi tác động của sự vật vào giác quan ta đã chấm dứt” (Hoàng Phê, 1998: 26). Như vậy, con người đã tạo ra thế giới biểu tượng từ các hiện tượng tự nhiên xung quanh nó để chuyên chở thế giới ý niệm. Điểm chung là các khái niệm trên đều đã công nhận biểu tượng là tín hiệu hai mặt: cái biểu thị là dạng thức tồn tại của hình ảnh tượng trưng, cái được biểu thị là

những giá trị của ý niệm bên trong nó.

Theo Lotman, ““*biểu tượng*” không bao giờ thuộc vào một mặt cắt đồng đại của văn hóa, nó bao giờ cũng xuyên qua mặt cắt đó bằng chiều thẳng đứng, đi từ quá khứ đến suốt tương lai” (Lotman, 1992; Trần Đình Sử dịch, 2012). Điều này thể hiện quá trình nâng cao của ý thức và năng lực của con người khi biểu hiện thế giới ý niệm bằng hình thức “biểu tượng hóa”. Khi đã trở thành hình thái văn hóa, biểu tượng ăn sâu vào vô thức, tiềm thức. Khi Nguyễn Bính viết “*Cau thôn Đoài nhớ giầu không thôn nào*” thì người đọc, người nghe đã nghĩ ngay đến biểu tượng trầu cau trong tình yêu đôi lứa, hôn nhân chứ chẳng ai nghĩ đó là cau nhớ trầu nữa. Biểu tượng luôn mang nhiều ý nghĩa; các ý nghĩa đó tạo nên sức sống của biểu tượng. Như vậy, cái được biểu đạt bao giờ cũng phong phú hơn cái biểu đạt. Giá trị của nó được xác định trong sự dịch chuyển ý nghĩ từ cái đã biết sang cái chưa biết, từ cái dễ nhìn thấy sang cái khó nói, khó nhìn hoặc không nhìn thấy mà chỉ được hiểu từ sự ám gợi. Sự ám gợi đó là bất tận, được vang lên trong tư duy, mà nếu chỉ tiếp nhận bằng thị giác, không có trải nghiệm, vốn sống thì sẽ chẳng nhận ra điều gì, sẽ chẳng nhận ra được ý nghĩa của biểu tượng mà người xưa gửi gắm trong đó. Đồng nhất với Đinh Hồng Hải: “*ngôn ngữ biểu tượng là một thành tố văn hóa do con người tạo ra để sử dụng như một loại công cụ thông tin và giao tiếp có tính tượng trưng (...); nghiên cứu biểu tượng là khoa học có chức năng giải mã các thành tố văn hóa được sản sinh ra trong đời sống văn hóa của con người*” (2014: 9-10), bài viết nghiên cứu một số nội dung tiêu biểu về thế giới biểu tượng trong thơ của Đinh Thị Thu Vân.

Đời sống văn hóa - xã hội thì biến động không ngừng, nên nghiên cứu biểu tượng

cũng phải nhìn nó trong sự vận động của môi trường văn hóa mà nó tồn tại. Có khi cùng một biểu tượng nhưng đồng thời có những ý nghĩa khác nhau, thậm chí đối lập nhau. Chẳng hạn, biểu tượng đất và biến thể của nó là bàn chân trong thơ Đinh Thị Thu Vân vừa là nỗi ám ảnh của cái chết, chia ly, nhưng cũng là sự dịu êm, khát khao hạnh phúc, ...

Dưới góc nhìn văn chương, biểu tượng là khái niệm dùng để chỉ những hình thái biểu hiện cụ thể trong đời sống nhưng mang nhiều tầng ý nghĩa gợi thức, liên tưởng, ... Do vậy, nghiên cứu biểu tượng qua ba tập thơ của Đinh Thị Thu Vân: *Thay cho lời hát ru anh* (1984); *Một ngày ta ngoài lại* (2005); *Đùng trôi nửa tình yêu mang phận cỏ* (2015), giúp ta hiểu được những thông điệp nhân văn mà nhà thơ gửi gắm đến cuộc đời, đến độc giả như một niềm riêng nữ tính độc đáo.

1. Biểu tượng Đất và các biến thể của Đất

Trong ý niệm của cả phương Đông và phương Tây, “*Đất*” được hình dung như là mẫu tính, mọi con người đều sinh ra từ đất vì đất được xem là bà mẹ, là biểu tượng của sản sinh và tái sinh, sự cho đi và nuôi dưỡng sự sống. Tính đặc trưng của đất là sự dịu dàng, kiên nhẫn, bền bỉ, có tính cam chịu, phục tùng. Mẫu gốc đất chứa đựng trong nó các biểu tượng phổ quát là *Mẹ, núi đồi, hang động, khu rừng, cây cối, muông thú, cánh đồng, đồng cỏ, hang đá, hốc rêu, khu vườn* hay sự liên hệ trực tiếp với *bàn chân*...

Không gian mặt đất gợi đến sự phong nhiêu của thân thể người phụ nữ. Biểu tượng đất trong thơ nữ đương đại xuất hiện mang ý nghĩa biểu tượng khác nhau. Trong thơ Đinh Thị Thu Vân, đất gắn liền với cái chết, sự úa tàn.

*Anh ơi đừng khóc/ Em đi không đành/
Đất sâu lạnh buốt/ Rã tàn xác thân/ Anh ơi*

đừng khóc/ Những ngày khói nhang...

(Anh ơi đừng khóc –

Đinh Thị Thu Vân, 2015)

Biểu tượng đất với nỗi ám ảnh của cái chết xuất hiện rất nhiều trong thơ Đinh Thị Thu Vân, bởi vốn dĩ thơ của tác giả gắn liền với nước mắt, với niềm đau. Hơn thế nữa, đó còn là sự tuyệt vọng đến tận cùng bởi sự chia ly, bởi một tình yêu không trọn vẹn.

Trao đến phai tàn sao có thể vô tâm/ Sao có thể vùi nhau tan nát chết/ Sao có thể đoạn đành cách biệt/ Góc-bể-lạc-chân trời...sao có thể anh ơi/ Hôn em nhé, mai ta về với đất/ Góc bể chân trời có lẽ bớt xa xôi...

(Những ngày xa –

Đinh Thị Thu Vân, 2015)

Tôi không đợi, không còn mơ hạnh phúc/ Một nhánh hoa buông...đã đủ để quay về/ Một nhúm đất tiễn đưa, đã vẹn toàn cho vĩnh biệt/ Thôi xin đừng nước mắt buổi tôi đi.

(Xin đừng chát dưng chân bên góc mộ -

Đinh Thị Thu Vân, 2015)

Biểu tượng đất trong thơ Đinh Thị Thu Vân chính là hiện thân của sự chia lìa, là dấu hiệu của sự xa cách biệt ly.

... Không còn em yêu mê muội đại diện/ Yêu cạn trắng sông xanh và biển biếc/ Yêu như chỉ còn hôm nay, ngày mai là đã chết/ Ngày mai thôi trời đất đã chia lìa!

(Dành cho em đôi phút lắng lòng đi –

Đinh Thị Thu Vân, 2015)

Biểu tượng “*Bàn chân*” cũng có mối liên hệ với mẫu gốc Đất. “*Chân là một biểu tượng của quan hệ xã hội... của sự sống: để chân trần có nghĩa là chứng tỏ sức mạnh đàn ông của mình*” (Chevalier và Gheerbran, 2002; Phạm Vĩnh Cư và cộng sự dịch, 2016). Hình ảnh bàn chân được nhắc đến nhiều lần trong thơ, bởi bàn chân là hiện thân của người đàn ông, là hiện thân của tình yêu, của nỗi nhớ, nỗi khao khát của người đàn bà trong thơ Đinh Thị Thu Vân: “... Anh đi rồi, đơn

chiếc phủ đầy vai/ Em nhớ lắm những lời anh chẳng nói/ Em nhớ lắm bàn chân anh bôi rôi/ Những ngón buồn không nở bước xa thêm/ Anh đừng đi, em không cách chi tìm/ Em biết trốn vào đâu cho bớt nhớ.”

(Nhớ... - Đinh Thị Thu Vân, 2015)

Hình ảnh bàn chân đó gọi cho người đọc về nỗi buồn xa cách, về sự quyến luyến không nở chia xa. Hình ảnh bàn chân còn là biểu tượng cho em với nỗi nhớ nhưng khắc khoải: “*Chênh vênh giữa trách và thương/ Giữa quên và nhớ, giữa vương và hờn/ Nếu giao thừa đến chậm hơn/ Bước chân tôi biết đâu chừng sẽ trôi.*”

(Nếu giao thừa đến chậm hơn –

Đinh Thị Thu Vân, 2005)

Bước chân dẫn đo suy nghĩ, bước chân không biết đi đâu về đâu. Là bước chân phân vân ngập ngừng giữa những trạng thái đối lập của cảm xúc; và biết đâu còn là bước chân lạc lối trong tình yêu (!?). Chính vì thế, trong thơ Đinh Thị Thu Vân luôn có những lời khẩn cầu nghe thật xót xa: “... *Dường kia dù xa thăm/ Đường kia dù mênh mông/ Chân đừng bước xa lòng/ Minh phụ mình, tội lắm/ Minh phụ mình, dài lắm/ Những đêm buồn hoang mang...*”

(Điệp khúc - Đinh Thị Thu Vân, 2005)

Bàn chân là hiện thân của người đàn ông, là nỗi khao khát kiếm tìm của em trong cuộc đời dẫu bể. Hình ảnh bàn chân như là phao cứu sinh cho trái tim em trước biển sóng cuộc đời: “... *Đừng đưa đẩy tôi về một phía nào lốc xoáy/ Đừng sóng tràn đừng gió ngả mưa nghiêng/ Tôi chẳng muốn trôi đâu - nhớ mai thuyền lạc bến/ Muôn nẻo đời xa khuất dấu chân quen.*”

(Đừng trôi nữa tình yêu mang phận cỏ -

Đinh Thị Thu Vân, 2015)

Trong thơ Đinh Thị Thu Vân, hình ảnh chân trở thành biểu tượng của sự khát khao bản năng tính dục, là biểu hiện của tình yêu,

sự khát khao hòa nhịp cả thể xác lẫn tâm hồn của những đôi lứa đang yêu: “*Cận kề em hát ru anh/ Xin ray rút chớ về quanh chỗ nằm/ Em hôn mái tóc, bàn chân/ Hôn thêm mi mắt... hôn thắm đôi môi.*”

(*Bài hát ru đầu tiên –*

Đinh Thị Thu Vân, 2005)

Hay đó là những câu thơ gọi khát khao che chở, khát khao ôm ấp vỗ về của người phụ nữ khát cháy tình yêu: “*Gối đầu lên chân em đi/ Khép ngoan anh nhè rèm mi lặng buồn/ Em lần khụy áo mà thương/ Sâu trong lòng ngực anh dường như đau.*”

(*Ru oan -* Đinh Thị Thu Vân, 2015)

Tác giả đã phá vỡ nguyên nghĩa biểu tượng bàn chân trong văn hóa nhân loại để thay vào đó là màu sắc tính dục. Đây là sự táo bạo của Đinh Thị Thu Vân cũng như nhiều nhà thơ nữ đương đại khác trong việc phá vỡ biểu tượng truyền thống. Bàn chân trong thơ Đinh Thị Thu Vân còn là sự vô tình hờ hững trong tình yêu. Tình yêu sẽ chết, hạnh phúc nát tan bởi bước chân vô tình: “... *Hạnh phúc ở góc nào xa khuất nhất/ Em làm sao đến được một mình em/ Anh lãnh đạm sau quá nhiều mắt mắt/ Hạnh phúc nào ta sẽ giẫm chân lên?*”

(*Hạnh phúc chẳng nguyên lành –*

Đinh Thị Thu Vân, 2005)

Rất nhiều lần Đinh Thị Thu Vân thể hiện khao khát được hôn bàn chân người tình. Phải chăng, đó chính là biểu hiện của tình yêu nồng cháy, thậm chí là sự quy phục trước người mình yêu: “... *Đã trót khóc một hôm nào quay bước/ Đã trót hôn nô lệ gót chân buồn/ Và đã trót câu thơ tình đắm đuối/ Những câu thơ quy lụy trước anh rồi!*”

(*Em là sóng em trở về với sóng –*

Đinh Thị Thu Vân, 2015)

Có nỗi khao khát nào như tình yêu trong thơ Đinh Thị Thu Vân. Một tình yêu cuồng si dạt khờ đến quên cả chính mình. Nhà thơ

chấp nhận sẵn sàng đánh đổi, chấp nhận nhỏ bé, chấp nhận là cát bụi trước người đàn ông: “*Em là sóng, em trở về với sóng/ Em là mây, đành mãi kiếp mây trời/ Là nước mắt, em về bên nước mắt/ Là cát bụi dưới chân người, thôi đành cát bụi... để anh vui.*”

(*Em là sóng em trở về với sóng –*

Đinh Thị Thu Vân, 2015)

Đinh Thị Thu Vân đã dám thừa nhận những yếu đuối của mình trong tình yêu. Thơ của tác giả là nỗi đắng cay của người phụ nữ đốt cháy cả tàn tro cho tình yêu dường như từ một phía. Nhà thơ sẵn sàng đánh mất cả kiêu hãnh, cả lòng tự trọng vốn có của người phụ nữ để được sống với tình yêu của mình.

Người tri kỉ của người, nao mắt ứa/ Mà xa xôi như thể... phải muôn trùng/ Tri kỷ ơi em chẳng đành dang dở nữa/ Dưới chân người xin bèo dạt đến mù tăm

(*Tri kỷ ơi anh có về như gió –*

Đinh Thị Thu Vân, 2015)

Đinh Thị Thu Vân thừa nhận mình lụy tình, lụy yêu. Liệu còn có ai yêu đến dại khờ như Đinh Thị Thu Vân nữa hay chẳng?

Nghe run rẩy dưới chân người/ Anh, em đã lụy mắt rồi biết không?/ Rung rung ngàn nỗi, rung lòng/ Rung rung từng sợi tóc chông chênh dài.

(*Lụy -* Đinh Thị Thu Vân, 2015)

Thế nhưng, cũng có lúc bàn chân lại biểu hiện cho sự gắn bó hòa hợp trong tình yêu. Là biểu hiện cao nhất của sự gắn gũi, là hình ảnh biểu tượng cho đôi tình nhân dấn nhau qua những dâu bể cuộc đời. Lúc này, hình ảnh bàn chân hiện lên thật dịu dàng, thật đẹp như tình yêu: “... *Người dắt người qua dâu bể/ Bờ vai vạm vỡ ân cần/ Người đưa người qua cách trở/ Chân nào nâng đỡ bàn chân.*”

(*Xa biệt phía vai người –*

Đinh Thị Thu Vân, 2015)

Là bàn chân của sự luyến lưu bịn rịn, là ân ái không rời: “... *Em nhớ lắm bàn chân*

*anh bối rối/ Những ngón buồn không nở
bước xa thêm/ Anh đừng đi, em không cách
chi tìm/ Em biết giấu làm sao đôi mắt nhớ.”*

*(Như chẳng có lại đường như nhiều quá -
Đinh Thị Thu Vân, 2015)*

Là bàn chân của yêu đương nhưng nhớ với ước mơ rất đổi giản đơn của người phụ nữ: được làm một người vợ để chăm sóc cho chồng từ những điều bé nhỏ bình dị. Bàn chân là biểu hiện của những yêu thương rất thật của cuộc sống vợ chồng mà Đinh Thị Thu Vân hằng mơ ước. Với Đinh Thị Thu Vân, điều đó chỉ là giấc mơ mà thôi bởi không bao giờ trở thành sự thật:

*“... ước gì sáng hôm sau em được sắp xếp
sẵn cho anh bộ áo quần thơm mát, và một
ngày của anh sẽ bắt đầu bằng chiếc hôn yêu,
bắt đầu bằng tia nhìn quán quýt theo từng
bước chân khuất dần sau cánh cửa...”*

*Em thềm chạm khẽ vào anh những khi anh
nằm ngủ, không để làm gì cả, chỉ là thương
quá, phải làm một điều chi đó, dù anh không
hay biết...”*

*(Em yêu giấc ngủ của anh -
Đinh Thị Thu Vân, 2015)*

Biểu tượng đất cùng những biến thể của nó trong thơ Đinh Thị Thu Vân là hình ảnh hiện thân cho góc nhìn đầy ý thức phái tính và âm hưởng nữ quyền trong thơ. Những hình ảnh đó ta không chỉ bắt gặp trong thơ Đinh Thị Thu Vân mà còn thấy rất nhiều trong thơ nữ đương đại.

2. Biểu tượng Nước và biến thể của Nước

Nước là chất khởi thủy, thuộc âm, tương ứng với cái lạnh và màu đen. Nước có hai ý nghĩa hoàn toàn đối lập nhau đó là: nước là nguồn sống và là nguồn chết; là chức năng nuôi dưỡng và tạo dựng nhưng cũng mang sức mạnh của sự hủy hoại. Người Châu Á xem nước “là dạng thức thực thể của thế giới, là nguồn gốc sự sống

và là yếu tố tái sinh thể xác và tinh thần, là biểu tượng của khả năng sinh sôi nảy nở, của tính thanh khiết, tính hiền minh, tính khoan dung và đức hạnh” (Chevalier và Gheerbran, 2002; Phạm Vĩnh Cư và cộng sự dịch, 2016). Như thế, nước mang thiên tính của người phụ nữ. Mẫu gốc nước chứa trong nó một số biểu tượng khác như *biển, sông, suối, mưa, lũ, hạn hán, ...* hoặc có thể liên hệ với biểu tượng *sữa, nước mắt, máu...* Các biểu tượng này ta đều có thể tìm thấy trong thơ nữ Việt Nam đương đại nói chung và thơ Đinh Thị Thu Vân nói riêng.

Một dạng thức khác của nước là *mưa*. Huyền thoại Hy Lạp coi mưa là “*biểu tượng tính dục, coi mưa là tinh dịch, và biểu tượng nông nghiệp về cây cỏ cần có mưa để phát triển để hòa hợp rất mật thiết*” (Chevalier và Gheerbran, 2002; Phạm Vĩnh Cư và cộng sự dịch, 2016). Trong thơ Đinh Thị Thu Vân, mưa thể hiện nỗi buồn của cô gái, cho ảo ảnh về hạnh phúc mong manh:

*“Tháng sáu mưa, tôi ngồi nghe gió
nhắc/ Vạn dặm đường mây... tóc tơ xa mù/
Vạn dặm đường thương... tình yêu tàn tạ
khuyết/ Tàn tạ niềm hi vọng giữa phù du*

*... Tháng sáu khóc giùm tôi ngàn tuyệt
vọng/ Những lời mưa chan chưa nổi chôn vùi/
Tôi ngồi đếm phù du, tôi ngồi nhớ/ Tôi ngồi
thương người... như lần cuối thương tôi.”*

*(Phù du ơi phù du buồn đến nỗi -
Đinh Thị Thu Vân, 2015)*

Mưa trong thơ Đinh Thị Thu Vân dùng để biểu thị cho nỗi cô đơn, nỗi buồn và cả sự tuyệt vọng của người đàn bà. Trong hàm ý này, biểu tượng mưa trong thơ Đinh Thị Thu Vân lại có sự gặp gỡ với biểu tượng mưa trong ca dao khi dùng để chỉ thân phận người phụ nữ “*Thân em như hạt mưa sa*”. Với Đinh Thị Thu Vân, mưa được ví như nước mắt, như nỗi lòng, những câu thơ ngập trong màn mưa của nỗi buồn, nỗi cô độc: “*Lòng đã trót*

*như ngàn sông vạn suối/ Đã trót giếng sâu,
đã trót mưa nguồn/ Đã trót gừng cay, đã
nồng nàn muối mặn/ Đã trót ngọt bùi son
sắc... cạn cùng thương!*"

*(Em là sóng em trở về với sóng –
Đinh Thị Thu Vân, 2015)*

Nước còn hiện diện dưới biểu tượng giọt lệ, nước mắt. Ở đây, nước gắn với đặc trưng phái tính của người phụ nữ. Nước mắt là thứ ngôn ngữ nói lên sự nhạy cảm, nỗi đau khổ trong sâu thẳm tâm hồn của người đàn bà. Từ lâu, nhân loại đã xem nước mắt là "cái giọt sẽ tan đi, sẽ biến thành hơi, sau khi đã làm chứng: một biểu tượng của nỗi đau và sự can thiệp giúp đỡ" (Chevalier và Gheerbran, 2002; Phạm Vĩnh Cư và cộng sự dịch, 2016). Nước mắt xuất hiện nhiều và nhìn chung, biểu tượng này trong thơ Đinh Thị Thu Vân đều thống nhất trong biểu đạt ý nghĩa. Đó là tín hiệu của sự tổn thương về mặt tâm hồn của người phụ nữ. Dường như thơ Đinh Thị Thu Vân luôn ngập tràn trong nước mắt. Đúng như nhận xét của Nguyễn Đông A (2015): "*Thơ của Thu Vân là thơ của tình yêu đau khổ. Thơ của cô càng đọc càng thấm bởi độ đậm đặc của sâu lắng. Bởi thơ của cô là tiếng thở dài trần trụi, là tiếng khóc, tiếng thổn thức từ trong lòng - thơ mang một tâm trạng day dứt đến tận thềm, một nỗi buồn sâu thẳm*". Nước mắt của người đàn bà trong thơ Đinh Thị Thu Vân rơi có lúc vì sự bạc bẽo, vô tâm của người đàn ông.

*Một chút hương rơi - một chút tình
không trăng gió/ Cũng không là vàng đá
trăm năm/ Đành phải khóc, ngày mai, bao
nước mắt/ Đành phải tuôn sau năm tháng
giam cầm*

*(Là ngày mai đừng vội hôm nay -
Đinh Thị Thu Vân, 2015)*

Đôi khi, nước mắt người đàn bà của Thu Vân lại biểu hiện cho nỗi nhớ nhung

trong tình yêu: "*Anh ơi ngọn cỏ/ Chẳng
đành lẻ loi/ Anh ơi nước mắt/ Vẫn chờ song
đôi...*"

*(Anh ơi đừng khóc –
Đinh Thị Thu Vân, 2015)*

Có khi nước mắt lại thể hiện đau khổ đến tột cùng khi phải chia xa: "*... em cúi
xuống nghe tình yêu bật khóc/ nước mắt rơi
mê dại trước chia lìa/ có nghĩa gì chưa, hay
đành như bọt sóng/ trao đến phai tàn... chỉ
nhận lấy hư không.*"

*(Những ngày xa - Đinh Thị Thu Vân,
2015)*

Đọc thơ của Đinh Thị Thu Vân "*bài nào cũng buồn ơi là buồn*", bài nào cũng ngập tràn trong nước mắt. Trong tập thơ *Đừng trôi nữa tình yêu mang phận cỏ* có 51 bài thì có đến 30 bài đều nhắc đến nước mắt. Dường như với Đinh Thị Thu Vân, khóc là cách để giải tỏa bớt những cảm xúc trong lòng. Tận cùng của nỗi đau, tận cùng của tuyệt vọng đó chính là nước mắt. Có thể nói rằng, nước mắt chính là biểu tượng thể hiện rõ nhất ý thức phái tính của người phụ nữ. Niềm vui nỗi buồn trong cuộc đời đều có thể khiến cho người phụ nữ rơi nước mắt. Đọc thơ của Đinh Thị Thu Vân, ta thấy được cái yếu đuối, cái đau khổ rất đời bản năng của người phụ nữ. Đinh Thị Thu Vân đã mượn biểu tượng nước để diễn đạt hết những cảm xúc nồng cháy, nỗi khát khao, đau đớn tuyệt vọng của người phụ nữ trong tình yêu.

3. Biểu tượng Đêm và biến thể của Đêm

Nếu ban ngày gắn với Mặt Trời thuộc về dương, gắn với người đàn ông, thì đêm thuộc về âm, gắn với người đàn bà. Bóng đêm luôn gợi ra sự bí mật và sâu thẳm nên nó được ví với bản tính của người phụ nữ. Đêm mang trong mình nhiều ý nghĩa biểu đạt khác nhau. Trong văn hóa Hy Lạp,

“*đêm (nyx) là con gái của Hỗn mang và là mẹ của Trời (Ouranos) và Đất (Gaia). Đêm còn sinh ra giấc ngủ và sự chết, những giấc mơ và những mối lo âu, tình âu yếm và sự lừa dối... Đêm tượng trưng cho thời gian của sự thai nghén, nảy mầm, của những mưu đồ bí mật sẽ lộ ra giữa thanh thiên bạch nhật thành những biểu hiện của sống. Đêm chứa đầy tất cả các khả năng tiềm tàng của cuộc đời... Đêm là hình ảnh của cái vô thức, trong giấc ngủ đêm, vô thức được giải phóng... Đêm cũng biểu thị tính hai mặt, mặt tăm tối, nơi đương lên men mọi chuyển biến, và mặt trừu bị cho ban ngày, ở đó sẽ lóe ra ánh sáng của sự sống”* (Chevalier và Gheerbran, 2002; Phạm Vĩnh Cư và cộng sự dịch, 2016). Mẫu gốc đêm gắn với các biểu tượng như: *bóng tối, màu đen, giấc mơ, giấc ngủ, sự chết*. Đêm còn gắn với biểu tượng phái sinh: *giường chiếu, chăn gối...*

Trong thơ Đinh Thị Thu Vân, đêm là nơi trốn chạy của người phụ nữ nhằm thoát khỏi sự bủa vây của ban ngày gắn với bi kịch tình yêu. Đêm là lúc người phụ nữ được sống với chính mình, chìm đắm trong nỗi cô đơn của riêng mình: “*Không ai đợi tôi về sau cánh cửa/ Không nồng nàn không ấm áp bao dung/ Tôi như sống nửa đời đêm giấu lửa/ Một nửa đường đang khuất phía hông lưng”*

(*Một nửa đường đang khuất –*
Đinh Thị Thu Vân, 2005)

Đêm trong thơ Đinh Thị Thu Vân nhuốm màu ảm đạm. Đêm mang ám ảnh về cái chết, sự tàn úa: “*Tàn tạ gió... tôi ngồi nghe đêm nhắc/ Đã phù du hương sắc của hồn tôi!/ Phù du ơi phù du buồn đến nỗi/ Tôi thà đau thà chết một lần thôi.”*

(*Phù du ơi phù du buồn đến nỗi...-*
Đinh Thị Thu Vân, 2015)

Đêm là tận cùng của nỗi tuyệt vọng, của chia ly: “*... Có thể đau xót hơn đau xót đã*

từng/ Có thể nát tan hơn vạn lần xưa tan nát/ Có thể sống như là đã chết/ Có thể tận cùng tuyệt vọng, tận cùng đêm.”

(*Là ngày mai đừng vội hôm nay –*
Đinh Thị Thu Vân, 2015)

Đêm gắn với giấc mơ của một đời thiếu nữ: “*Em chôn khuất đời em trong góc tối/ Một đời yêu bèo bọt chẳng dư âm/ Mòn mỏi ước một lần ngủ vùi bên vai ấm/ Mòn mỏi hão huyền từ lúc trót yêu anh... ”*

(*Em là sóng em trở về với sóng –*
Đinh Thị Thu Vân, 2015)

Niềm khao khát của người phụ nữ trong thơ Đinh Thị Thu Vân thật nhỏ nhoi, tội nghiệp. Chỉ là mơ được trọn vẹn một đêm bên người, vậy mà điều đó cũng thật quá xa vời. Giấc mơ vá vúi về một tình yêu trọn vẹn ấy vẫn cứ ám ảnh người con gái quá đỗi đại khờ: “*Nghìn năm sau... linh hồn em vẫn bám vùi giấc mơ xưa/ Vẫn nguyên vẹn lòng yêu nó lệ áy/ Và thân xác em đâu không còn bên anh mãi mãi/ Từng mảnh vỡ hao gầy vẫn son sắt giữa tàn phai... ”*

(*Tự khúc -* Đinh Thị Thu Vân, 2015)

Đêm thật lạnh lẽo, thật vô tình, khiến cho trái tim vốn chịu nhiều đau khổ lại càng thấy xót xa cho phận mình: “*Gió rạc lòng đêm giá rét/ Nghiêng nghiêng về phía khuya tàn/ Xót một màu trắng sắp khuất/ Xua giùm trọng bóng mây ngang!”*

(*Xa biệt phía vai người –*
Đinh Thị Thu Vân, 2015)

Cho dù chịu nhiều đau khổ, chịu nhiều thiệt thòi, người phụ nữ ấy vẫn yêu bằng cả trái tim; bằng tất cả trái tim cháy bỏng, dịu dàng, hy sinh, thậm chí chấp nhận cả nỗi thua thiệt về mình: “*Dành cho tình yêu rom rã của chúng mình đôi phút lẳng lòng đi/ Anh sẽ hiểu vì sao sương lụy nắng/ Anh sẽ hiểu vì sao đêm lụy bóng/ Em lụy người.../ Em lụy vương nỗi chua cay... ”*

(*Dành cho em đôi phút lẳng lòng đi -*

Đinh Thị Thu Vân, 2015)

Đinh Thị Thu Vân tự ôm áp trái tim, ôm áp nỗi đau của mình mỗi đêm. Như con thú chui mình hang tối để liếm vết thương có thể cạn kiệt dần sức lực. Đêm với Đinh Thị Thu Vân như chôn ả nấu để dựa nương vào chính mình.

Mang nỗi buồn tay trắng/ Em trở về với em/ May vẫn còn bóng tối/ Vẫn ru mình đêm đêm.

*(Mang nỗi buồn tay trắng –
Đinh Thị Thu Vân, 2015)*

Đó là ý nghĩ mê sảng kéo dài được cụ thể hóa từ vô thức của người phụ nữ đang hoài nghi về bản thể. Biểu tượng “Đêm” là sự cụ thể hóa dòng ý thức của người phụ nữ. Với Đinh Thị Thu Vân, đêm trở thành một ám ảnh đầy mê hoặc. Đêm hàm chứa những bí ẩn cần được khám phá. Đêm cũng là nỗi ám ảnh đáng sợ về thời gian khi phải đối diện với chính nỗi cô đơn của mình.

Nếu có kiếp sau, em xin dùng nước mắt/ Một ngày thôi, dùng quanh quẽ lúc yêu người/ Xin một ngày ràng buộc với em thôi/ Thôi đơn chiếc giữa đêm dài khuya khoắt

*(Gió bụi chông chênh –
Đinh Thị Thu Vân, 2015)*

Bóng đêm là sự bí ẩn trong chiều sâu vô thức của người đàn bà đang khát khao mong đợi. Bóng đêm trở thành một phần thân thể của người phụ nữ. Bóng đêm trở thành mô-típ trở đi trở lại trong sáng tác của Đinh Thị Thu Vân. Đó là đêm của sự gắn bó ái ân nồng nàn đến cuồng nhiệt của người phụ nữ với một ý thức rất cao về nữ quyền, một tuyên ngôn hiện sinh cháy bỏng khao khát yêu đương của người phụ nữ. Đêm của những khao khát nhục thể rất đàn bà, rất nữ tính nhưng không làm sao với tới.

*Em nhớ lắm, héo mòn đêm trở giấc/
Không làm sao vắn vít thịt da nồng/ Em nhớ lắm, ngỡ như vừa đánh mất/ Nửa phần đời*

ràng buộc đã nghìn năm.

(Nhớ... - Đinh Thị Thu Vân, 2015)

Biểu tượng đêm còn mang nghĩa là tiếng gọi thăm sâu trong tâm thức trước những nỗi cô đơn chất ngất của phận người (*Nửa đêm*). Đêm trong thơ Đinh Thị Thu Vân không chỉ bao phủ môi trường sống mà còn ngấm vào người phụ nữ và trở thành bản chất của người phụ nữ: “*Không còn em nữa, ngày mai/ Mây giăng mưa phủ, đêm đầy nỗi đêm/ Em làm sao để ru yên/ Thì thôi anh cố mà quên lỡ làng!*”

*(Hồn em theo nén nhang rời sẽ đau -
Đinh Thị Thu Vân, 2015)*

Đêm trong thơ Đinh Thị Thu Vân đã trở thành môi trường để cho người phụ nữ trở về với chính mình. Đêm còn gắn với đời sống hoạn lạc của người phụ nữ, nơi họ sống với bản năng rất thật của mình. Nếu hiểu ánh dương ban ngày là sự thống trị của những thiết chế đạo đức, những chuẩn mực văn hóa buộc con người phải tuân thủ thì đêm trở thành khoảng thời gian con người được tự do phá bỏ những quy ước đó. Mà đêm mang trong mình sự bí mật, thuộc về riêng tư; nên về đêm, người phụ nữ được sống với bản năng của mình. Dù không táo bạo khi nói về dục tính như những nhà thơ nữ cùng thời, nhưng trong thơ Đinh Thị Thu Vân cũng không ít lần nhắc đến những nỗi khát khao rất đời trần thế ấy.

Say tràn... say là... say lời/ Anh, lay lắt lắm - dùng rời xa em/ Đã lao đao đã đuối chìm/ Đã như mảnh lá tàn đêm gió lùa.

(Lụy - Đinh Thị Thu Vân, 2015)

Đêm với Đinh Thị Thu Vân là ước mơ về hạnh phúc, là biểu tượng của ước mơ vẹn tròn, là sự hòa nhịp của đôi lứa cả về thể xác đến tâm hồn. Nhưng, đáng tiếc đều đó chỉ là nỗi khát khao của một trái tim khờ dại cháy hết mình vì yêu. Vậy nên, đêm với Thu Vân cũng là nỗi đau đến tận cùng.

Quả là, biểu tượng trong thơ Đinh Thị Thu Vân thật phong phú. Nguyễn Văn Hòa (2017) cũng đã cho rằng “*Khảo sát trong các sáng tác của Đinh Thị Thu Vân, người đọc nhận thấy ngôn ngữ thơ tự nhiên nhưng giàu ý tưởng, hình ảnh thơ độc đáo và mang tính biểu tượng cao. Những biểu tượng: dòng sông, lá, cỏ, gió, đêm, chiều, mây, sóng... được nhà thơ sử dụng rất thành công tạo nên hiệu quả nghệ thuật rõ nét*”.

Kết luận

Trong văn học, biểu tượng không chỉ là công cụ để nhà văn tư duy về thế giới mà còn là con đường để mở rộng biên độ của hiện thực được khái quát trong tác phẩm, biểu tượng không chỉ là một hình thức ký hiệu mà còn là một hình tượng nghệ thuật đặc biệt mang những dấu ấn và đặc trưng riêng. Thơ Đinh Thị Thu Vân cũng đã tạo ra hệ thống biểu tượng phong phú. Nhìn từ ý thức phái tính và âm hưởng nữ quyền, biểu tượng trong thơ Đinh Thị Thu Vân không phải được sản sinh từ vô thức sáng tạo của nhà thơ mà khởi phát từ sự chọn lựa nằm trong cá tính sáng tạo.

Khảo sát thơ Đinh Thị Thu Vân với sự biến đổi rất lớn của “*Đêm*”, “*Nước*”, “*Đất*” và các biến thể của nó như trên, chúng ta còn thấy thế giới biểu tượng trong thơ Đinh Thị Thu Vân không mang tính phân hóa mà xét trên đại thể, nó tạo thành một hệ biểu tượng mang những ý nghĩa đặc trưng cho giới nữ - những biểu tượng mang đến sự phong phú, đa nghĩa cho thế giới nghệ thuật thơ nữ đương đại. Bên cạnh chức năng mẫu gốc, Đinh Thị Thu Vân đã cấp cho biểu tượng những hàm nghĩa mới tương ứng với tinh thần giải phóng phụ nữ và khẳng định những cá tính nữ mạnh mẽ. Nguồn riêng của

thơ chị đã góp phần làm cho mạch chung của nền văn học nước ta thêm giàu có.

Tài liệu tham khảo

- Chevalier, J. và Gheerbrant, A. (2002). *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*. Phạm Vĩnh Cư (Chủ biên), Nguyễn Xuân Giao, Lưu Huy Khánh, Nguyễn Ngọc, Vũ Đình Phòng và Nguyễn Văn Vỹ dịch (2016). Đà Nẵng, Nxb Đà Nẵng.
- Đinh Hồng Hải (2014). *Nghiên cứu biểu tượng - một số khuynh hướng tiếp cận lý thuyết*. Hà Nội, Nxb Thế giới.
- Đinh Thị Thu Vân (1984). *Thay cho lời hát ru anh (tập thơ)*. Long An, Hội VHNT Long An.
- Đinh Thị Thu Vân (2005). *Một ngày ta ngoái lại (tập thơ)*. Long An, Hội VHNT Long An.
- Đinh Thị Thu Vân (2015). *Đừng trôi nữa tình yêu mang phận cỏ (tập thơ)*. Hà Nội, Nxb Hội Nhà Văn.
- Hoàng Phê (chủ biên, 1998). *Từ điển Tiếng Việt*. Hà Nội, Nxb Khoa học Xã hội.
- Lotman, J. M. (1992). *Biểu tượng trong hệ thống văn hóa*. Trần Đình Sử dịch từ bản tiếng Nga (2012). *Tạp chí Sông Hương*, số 286, tháng 12/2012.
- Nguyễn Đông A (2015). *Đừng trôi nữa tình yêu mang phận cỏ*. Hà Nội, Nxb Hội Nhà Văn.
- Nguyễn Văn Hòa (2017). *Người ca thơ bằng giọng trầm buồn và đắng chát*. (Nguồn: <https://toquoc.vn/nguoi-ca-tho-bang-giong-tram-buon-va-dang-chat-99171864.htm>)